

QUẢN LÝ TÍN CHỈ CÁC-BON VÀ TRAO ĐỔI HẠN NGẠCH PHÁT THẢI HƯỚNG TỚI THỊ TRƯỜNG CÁC-BON VIỆT NAM

● NGUYỄN NHƯ HÀ - NGUYỄN TIẾN ĐẠT

TÓM TẮT:

Việt Nam là quốc gia bị ảnh hưởng tiêu cực từ biến đổi khí hậu do hiệu ứng nhà kính gia tăng. Thực hiện cam kết cắt giảm khí nhà kính về “0” vào năm 2035, Việt Nam đã và đang nỗ lực xây dựng thị trường các-bon trong nước, tiến tới kết nối với thị trường các-bon thế giới. Để hiện thực hóa tương lai này, bài viết nghiên cứu giúp Việt Nam cần sớm xây dựng và hoàn thiện cơ sở pháp lý cho hoạt động quản lý tín chỉ các-bon và trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính. Bài viết bàn về quản lý tín chỉ các-bon và trao đổi hạn ngạch phát thải hướng tới thị trường các-bon Việt Nam.

Từ khóa: tín chỉ các-bon, khí nhà kính, trao đổi hạn ngạch phát thải, biến đổi khí hậu.

1. Đặt vấn đề

Trải qua 30 năm, Hội nghị lần thứ 27 các bên tham gia Công ước khung của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu (COP 27) năm nay tại Ai Cập tiếp tục chứng kiến ước vọng của các quốc gia trong thúc đẩy thị trường các-bon như chìa khóa pháp lý hữu hiệu đảm bảo đồng thời mục tiêu kinh tế và mục tiêu “zero carbon”¹ trong tương lai gần. Trước đó, COP 26 năm 2021 đã cho thấy các cam kết mạnh mẽ, cụ thể hơn khi mục tiêu phát thải ròng CO₂ về 0 vào giữa thế kỷ đã được các quốc gia nhất trí thực thi. Từ Công ước khung của Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu 1992 (United Nations Framework Convention on Climate Change, viết tắt: UNFCCC) tới Nghị định thư Kyoto 1997, Thỏa thuận Paris 2015 và mới nhất là Hiệp ước khí hậu Glasgow 2021, các thỏa thuận quốc tế trong từng giai đoạn đều hướng tới dần xếp bất đồng giữa các quốc gia về mức phát thải cắt giảm, đồng thời từng bước đạt được những mục tiêu chung khả thi.

Là quốc gia có tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình 6,84% trong giai đoạn 2016 - 2020 và bước vào giai đoạn 2021 - 2025 với nhiều triển vọng gia tăng năng suất, cải thiện thu nhập đầu người trên mức trung bình², Việt Nam cũng là quốc gia dễ bị tổn thương bởi các hiện tượng thời tiết cực đoan có nguyên nhân từ biến đổi khí hậu. Báo cáo chỉ số Rủi ro khí hậu toàn cầu (Global Climate Risk Index) 2020 do tổ chức môi trường Germanwatch (Liên bang Đức) công bố, Việt Nam xếp hạng 6 trong số các quốc gia bị ảnh hưởng nặng nhất trên toàn cầu trong giai đoạn 1999 - 2018 [9]. Cộng đồng thế giới cũng thấy một Việt Nam chủ động và tích cực trong cam kết và thực thi cam kết quốc tế về giảm phát thải khí nhà kính mà cụ thể là tuyên bố đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 của Thủ tướng Phạm Minh Chính tại COP 26 năm 2021.

Thực hiện mục tiêu tham vọng này, một thị trường các-bon tại Việt Nam, tiến tới kết nối với thị trường các-bon quốc tế là điều kiện tiên quyết

trong giai đoạn 2026 - 2030 mà yêu cầu hiện tại là hoàn thiện các quy định pháp luật Việt Nam về quản lý tín chỉ các-bon và trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính [2].

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Tín chỉ các-bon là gì?

Trước tiên cần hiểu: yếu tố các-bon được hiểu là dioxide carbon (khí CO₂) là một trong các khí tác nhân gây hiệu ứng nhà kính, hiện tượng suy giảm tầng ô-dôn và các hệ quả tiêu cực của nó như: nước biển dâng; khô hạn; thời tiết cực đoan. Khí nhà kính theo phân loại hiện tại gồm 6 loại (CO₂; CH₄; N₂O; HFCs; PFCs; SF₆) là các chất gây ra tình trạng nóng lên toàn cầu và những nguy cơ biến đổi khí hậu. Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP có đưa ra định nghĩa như sau: “Các chất làm suy giảm tầng ô-dôn và chất gây hiệu ứng nhà kính [...] là các chất, hợp chất được quy định tại các Phụ lục A, B, C, E và F của Nghị định thư Montreal” [5].

Theo Đề án Thị trường các-bon, Tín chỉ các-bon là sự chứng nhận hay đại diện cho quyền phát thải ra 1 tấn CO₂ hoặc 1 tấn CO₂ tương đương (quy đổi từ tấn khí nhà kính khác sang tấn khí CO₂), gắn liền với giá trị giảm hay đền bù cho lượng khí nhà kính phát thải. Tín chỉ các-bon được nhìn nhận như một loại hàng hóa có thể quản lý, lưu trữ, trao đổi, mua bán tương tự như bất kỳ loại hàng hóa nào khác.

2.2. Hạn ngạch phát thải khí nhà kính là gì?

Khoản 33 Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường 2020 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2022) có định nghĩa như sau: Hạn ngạch phát thải khí nhà kính là lượng khí nhà kính của quốc gia, tổ chức, cá nhân được phép phát thải trong một khoảng thời gian xác định, được tính theo tấn khí carbon dioxide (CO₂) hoặc tấn khí carbon dioxide (CO₂) tương đương. Có thể hiểu ý nghĩa hoạt động này như sau: thông qua hoạt động kiểm kê phát thải khí nhà kính, Chính phủ sẽ nắm được tổng phát thải khí nhà kính quốc gia và tỷ trọng phát thải của từng đơn vị sản phẩm, dịch vụ (theo phương thức phân bổ benchmarking đề cập ở mục 4.2), từ đó Chính phủ sẽ phân bổ hạn ngạch đó cho các cơ sở sản xuất có phát thải. Cơ sở chỉ được phát thải khí nhà kính trong hạn ngạch cho phép, nếu có nhu cầu phát thải vượt hạn ngạch phải mua hạn ngạch của cơ sở khác, hoặc nếu không hết hạn ngạch thì được tích lũy để trao đổi, mua bán thông qua thị trường các-bon.

2.3. Cơ chế 'Cap and Trade' và sự ra đời của thương mại phát thải

Mối quan hệ giữa các khái niệm Tín chỉ các-bon và Hạn ngạch phát thải khí nhà kính được phản ánh thông qua thị trường thương mại phát thải các-bon được xây dựng trên cơ chế Cap and Trade. “Cap and Trade” (tạm dịch là giữ lại và thương mại) là một thuật ngữ được dùng để mô tả một thị trường được tạo lập bởi 2 quy trình:

(1) Quy trình Cap: Chính phủ sẽ xây dựng hệ thống hạn ngạch phát thải khí nhà kính cho các đơn vị sản xuất có phát thải, theo đó mỗi đơn vị chỉ được thải ra một lượng nhất định CO₂ hoặc tương đương. Thông qua quy trình này, quốc gia sẽ giới hạn được tổng lượng CO₂ được phép thải ra môi trường.

(2) Quy trình Trade: Các đơn vị sản xuất phát thải cao hơn hạn ngạch cho phép thì có thể bị áp thuế cao hoặc buộc phải mua thêm hạn ngạch. Các đơn vị không sử dụng hết lượng khí thải trong hạn ngạch có thể tích lũy dưới dạng tín chỉ các-bon, bán hoặc trao đổi hạn ngạch thông qua thị trường các-bon.

Để đạt được mục tiêu cắt giảm phát thải như cam kết, Chính phủ các quốc gia chỉ cần giảm dần tổng lượng CO₂ phát thải qua mỗi năm. Từ đó, tạo động lực để các đơn vị sản xuất buộc phải cải tiến quy trình công nghệ hoặc tăng cường đầu tư vào công nghệ sạch, vì nó trở nên rẻ hơn so với việc mua hạn ngạch trong bối cảnh giá giao dịch hạn ngạch tăng do lượng cung khan hiếm³. Đây là nền tảng vận hành của thị trường các-bon.

“Thương mại phát thải khí” (tiếng Anh gọi là: Gas emission trading) ban đầu xuất phát từ các nghiên cứu của các nhà kinh tế học, gồm: Coase (1960); Crocker (1966); Dales (1968) và Montgomery (1972) đưa ra yêu cầu bắt buộc áp dụng đối với các đối tượng được hưởng quyền phát thải khí chỉ được thải ra một số lượng cụ thể các chất ô nhiễm trong một khoảng thời gian giới hạn và quyền phát thải đó có thể được chuyển nhượng nếu như các cơ quan quản lý xác định được một mức trần cho lượng phát thải tổng thể...[8] Ý tưởng này tiếp tục được nhắc lại vào những năm 1995 ở Hoa Kỳ với mô hình trao đổi “quota khí SO₂”, thay vì khí CO₂ và các loại khí nhà kính khác.

Những năm đầu thế kỷ XXI, những lý thuyết này mới lại được vận dụng trong thực thi cơ chế

“Cap and Trade” và được quy định tại Điều 17 Nghị định thư Kyoto 1997, cụ thể: “Hội nghị các Bên sẽ định rõ các nguyên tắc, phương thức, qui tắc và hướng dẫn thích hợp, đặc biệt cho việc kiểm chứng, báo cáo và trách nhiệm giải thích cho việc mua bán phát thải”. Tiếp tục được kế thừa tại Điều 6 Thỏa thuận Paris 2015 ghi nhận thỏa thuận của các Bên hợp tác trong việc thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) với việc sử dụng các cơ chế dựa trên thị trường (thị trường các-bon).

Để có “hàng hóa” lưu thông trên thị trường các-bon, các quốc gia phải thực hiện quy trình xây dựng và thực thi pháp luật bao gồm các bước cơ bản: (1) Kiểm kê khí nhà kính; (2) Xây dựng, thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo hạn ngạch; (3) Phân bổ hạn ngạch phát thải; (4) Trao đổi, mua bán hạn ngạch phát thải và tín chỉ các-bon trên sàn giao dịch.

Như vậy, quản lý phân bổ hạn ngạch và tín chỉ các-bon là cơ sở tiền đề cho sự hình thành thị trường các-bon trong nước đáp ứng mục tiêu đề ra trong giai đoạn 2026 - 2030 theo điểm b Khoản 4 Điều 7 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/1/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn. Tuy nhiên, hiện nay, Việt Nam mới đang trong quá trình thực hiện bước 1 trong quy trình và từng bước hoàn thiện quy định tại bước 2, cơ sở kinh nghiệm xây dựng pháp luật cần tích lũy, tham khảo từ kinh nghiệm các quốc gia đi đầu trong hoạt động này.

3. Cơ sở pháp lý hiện hành của Việt Nam về quản lý tín chỉ các-bon và phân bổ hạn ngạch khí nhà kính

Thương mại các-bon đã được Chính phủ Việt Nam quan tâm và quyết tâm thực hiện từ thời điểm Việt Nam là thành viên chính thức của UNFCCC và gia nhập Nghị định thư Kyoto năm 1997. Từ thời điểm gia nhập, Việt Nam đã xây dựng hướng dẫn pháp lý về cơ chế phát triển sạch (Clean Development Mechanism, viết tắt CDM) là cơ sở để phê duyệt, cấp phép dự án CDM [4], đồng thời hướng dẫn tài chính trong quản lý và phân bổ hạn ngạch phát thải các-bon làm cơ sở giao dịch chuyển nhượng tín chỉ các-bon [7].

Trước những biến đổi khôn lường của khí hậu, Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương năm 2013 về chủ động ứng phó với

biến đổi khí hậu đã đưa vào trọng tâm ưu tiên các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và phát triển thị trường các-bon. Trên cơ sở đó, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu năm 2016 [15], tiếp đó là các sửa đổi, bổ sung quan trọng của Luật Lâm nghiệp năm 2017; Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có đề cập tới thị trường các-bon. Đặc biệt, sau Hiệp ước khí hậu Glasgow 2021, cơ sở pháp lý quản lý tín chỉ các-bon và phân bổ hạn ngạch khí nhà kính được bổ sung với Nghị định số 06/2022/NĐ-CP, Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT, Quyết định số 59/QĐ-BTNMT và Quyết định số 2626/QĐ-BTNMT bổ sung lộ trình, bộ thủ tục hành chính và danh mục hệ số phát thải làm cơ sở để kiểm kê, tổng hợp và phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính.

Thực tế phát triển nhanh tại Việt Nam đòi hỏi cần sớm hoàn thiện hành lang pháp lý về quản lý tín chỉ các-bon và phân bổ hạn ngạch khí nhà kính. Theo Báo cáo của Cục Biến đổi Khí hậu, Bộ Tài nguyên và Môi trường, đến nay, Việt Nam đứng thứ tư trên thế giới về số lượng dự án triển khai CDM, với 258 dự án được Ban điều hành CDM phê duyệt và 13 Chương trình hoạt động theo CDM, tiềm năng gần 140 triệu tấn CO₂ tương đương trong thời hạn tín chỉ. Trong số này, 17 dự án theo Tiêu chuẩn vàng đã phát hành quốc tế hơn 3 triệu tín chỉ, 24 dự án theo Tiêu chuẩn cacbon được thẩm tra đã phát hành hơn 600 nghìn tín chỉ.

4. Nội dung trọng tâm của quy định pháp luật về quản lý tín chỉ các-bon và phân bổ hạn ngạch khí nhà kính

4.1. Xác định mức trần phát thải

Mức trần phát thải khí nhà kính được xác định dựa trên mục tiêu giảm phát thải mà mỗi quốc gia, mỗi tổ chức đã đặt ra. Hiện nay, để xác định mức trần phát thải, Chính phủ đã quy định đối tượng bắt buộc kiểm kê khí nhà kính định kỳ hai năm một lần theo Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP và cụ thể hóa tại Danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính theo Quyết định số 01/2022/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Hiện nay, dự thảo Thông tư hướng dẫn về đo đạc, báo cáo, thẩm định và kiểm kê khí nhà kính cũng đang được xây dựng và chưa thông qua, khiến việc xác định mức trần phát thải của các doanh nghiệp trở nên khó khăn.

4.2. Phân bổ hạn ngạch phát thải

Đối với hạn ngạch phát thải, Nghị định số 06/2022/NĐ-CP đặt ra yêu cầu bù trừ phát thải không quá 10% tổng số hạn ngạch phát thải được phân bổ, phải nộp tiền cho lượng phát thải vượt quá hạn ngạch phân bổ (sau khi bù trừ). Đồng thời, Nhà nước sẽ khuyến khích các cơ sở tự nguyện nộp trả hạn ngạch chưa sử dụng hết để đảm bảo mục tiêu cắt giảm phát thải quốc gia. Hiện có 2 phương pháp phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính được sử dụng, đó là: phương pháp grandfathering xác định tổng lượng phát thải dựa trên phát thải trong quá khứ hoặc phương pháp benchmarking dựa trên một việc đo lường hiệu suất phát thải xác định cho một ngành, một nhóm sản phẩm, hoặc một đơn vị đầu ra. Đa phần các quốc gia hiện nay, trong đó có Việt Nam lựa chọn phương thức phân bổ hạn ngạch benchmarking, bởi nó phù hợp với đặc thù từng ngành và đảm bảo sự công bằng trong phân bổ hạn ngạch.

Hiện nay, lộ trình phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính đang được xây dựng theo báo cáo hàng năm và áp dụng cho giai đoạn 2026 - 2030. Tuy nhiên, nếu so sánh với mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 thì vẫn cần xây dựng một tầm nhìn dài hơn cho định hướng phân bổ hạn ngạch phát thải trong giải đoạn tiếp theo.

5. Kinh nghiệm quốc tế về quản lý tín chỉ các-bon và phân bổ hạn ngạch khí nhà kính

5.1. Nghĩa vụ thực hiện cam kết quốc tế

Hiện nay không có một quy chuẩn chung cho hoạt động quản lý tín chỉ các-bon và phân bổ hạn ngạch khí nhà kính. Cơ sở ra đời cơ chế thương mại phát thải (Emission Trading System - ETS) là Điều 17 Nghị định thư Kyoto có hiệu lực từ ngày 16/2/2005. Một tiêu chuẩn về ngoại giao toàn cầu cũng được áp dụng gọi là Mục tiêu chung nhưng trách nhiệm khác biệt (Common But Differentiated Responsibilities - CBDR), nghĩa là mục tiêu chung cho tất cả các nước nhưng trách nhiệm khác biệt giữa các nước phát triển và đang phát triển do sự khác biệt lớn về thu nhập, tài nguyên, công nghệ... Các nước phát triển (thuộc Phụ lục 1 Nghị định thư) có trách nhiệm toàn bộ trong việc giảm thiểu phát thải 5% cho giai đoạn 2008 - 2012 so với nồng độ năm cơ sở 1990. Ngược lại, các nước đang phát triển (không thuộc Phụ lục 1 Nghị định thư) được

lựa chọn một loạt các cơ chế gọi là Cơ chế phát triển sạch (CDM) cho phép các nước này là một phần (không bắt buộc) của công ước và tự nguyện giảm lượng phát thải khí nhà kính nếu các quốc gia ở Phụ lục 1 trả tiền cho họ.

5.2. Kinh nghiệm thực tiễn của một số khu vực và quốc gia

Hệ thống giao dịch phát thải Liên minh châu Âu (EU Emission Trading System - EU ETS) là thị trường cac-bon đầu tiên, lâu đời nhất và lớn nhất thế giới hiện nay với 31 quốc gia thành viên (gồm 28 quốc gia thành viên EU cộng Iceland, Liechtenstein và Na-uy), chiếm 45% lượng phát thải KNK ở Châu Âu [10]. EU ETS được xây dựng để triển khai trong 4 giai đoạn: Giai đoạn 1 từ 2005-2007; Giai đoạn 2 từ 2008-2012; Giai đoạn 3 từ 2013-2020; và Giai đoạn 4 từ 2021 trở đi. EU ETS được vận hành dựa trên nguyên tắc “Cap and Trade” (đã đề cập ở mục 2). EU xác định các mức phát thải trần cho cả khối và giảm dần theo năm (chỉ bắt đầu từ giai đoạn 3 trở đi, trước đó mức phát thải trần của mỗi năm là như nhau cho toàn giai đoạn). Trong giới hạn phát thải trần đó, các đối tượng phát thải được cấp hạn mức hoặc phải mua những hạn mức phát thải (emission allowances) và có thể bán hạn mức phát thải nếu không dùng hết.

Trong Giai đoạn 1 và 2, mức trần phát thải hàng năm được xác định cho cả giai đoạn, nhưng từ Giai đoạn 3 trở đi thì mức phát thải trần sẽ giảm dần từng năm với hệ số tuyến tính là 1,74% so với năm 2010.

Tương ứng với sự thay đổi trong cách xác định mức phát thải trần, phương thức phân bổ các “hạn mức phát thải” trong Giai đoạn 3 cũng thay đổi. Trong Giai đoạn 1 và 2, hầu hết hạn mức phát thải được phân bổ miễn phí. Trong Giai đoạn 3, phương thức mặc định là các đối tượng phát thải phải mua hạn mức phát thải, điều này phù hợp với nguyên tắc “người gây ô nhiễm trả tiền”. Tuy nhiên, để đảm bảo đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp cần thiết trong quá trình chuyển đổi, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp mới tham gia, trong Giai đoạn 3 sẽ có 43% tổng số hạn mức phát thải được phân bổ miễn phí. [9]

Hệ thống mua bán phát thải Trung Quốc: Theo nghiên cứu của Swartz (2016), Trung Quốc đã thí điểm hệ thống giao dịch phát thải riêng từ tháng

10/2011 đến tháng 7/2015. Các trường hợp thí điểm được triển khai ở năm thành phố và hai tỉnh có đóng góp đến 26,7% GDP của Trung Quốc năm 2014 (Bắc Kinh, Thiên Tân, Thượng Hải, Hồ Bắc, Trùng Khánh, Quảng Đông và Thâm Quyển). Kết quả của quá trình thí điểm là 57 triệu tấn các-bon đã được mua bán. Cả 7 trường hợp thí điểm đều do địa phương tự thiết kế. Tất cả đều xác định những mục tiêu giảm phát thải (dựa trên cường độ), ngưỡng phát thải cho phép, phạm vi đối tượng áp dụng và các năm cơ sở [3].

Sau giai đoạn thí điểm, ngày 19/6/2016, Ủy ban Phát triển và Cải cách Trung ương (NDRC) Trung Quốc đã ban hành Thông tư hướng dẫn triển khai hệ thống ETS Quốc gia. Mục tiêu giảm phát thải của ETS Trung Quốc được xác định ở dạng “mật độ các-bon” (carbon intensity) trong nền kinh tế, khác với cách xác định bằng giá trị tuyệt đối lượng khí nhà kính như trong hệ thống của EU. Trong khi EU nỗ lực giảm lượng khí nhà kính phát thải thì Trung Quốc giảm tỷ lệ phát thải các-bon so với mức tăng trưởng kinh tế.

Một điểm khác biệt với EU ETS, cơ chế của ETS Trung Quốc là phân bổ miễn phí trong giai đoạn đầu để hạn chế tình trạng “rò rỉ các-bon” như bài học từ châu Âu và định hướng tiến dần đến bán

hạn mức từ sau năm 2020. Tuy nhiên, do còn trong bước đầu vận hành nên Trung Quốc còn phân bổ dư thừa số lượng hạn mức (giấy phép phát thải) miễn phí nên tính thanh khoản và thị trường giao dịch chưa hiệu quả.

6. Kết luận

Giảm phát thải khí nhà kính là một nội dung quan trọng của mục tiêu tổng quát của Việt Nam đến năm 2020 nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu [1]. Điều này cho thấy ý nghĩa sống còn của giảm phát thải khí nhà kính đối với không chỉ riêng Việt Nam mà còn tác động ở phạm vi toàn cầu. Hiện nay, những hoạt động mới dừng lại ở việc điều tra, kiểm kê, xây dựng kế hoạch giảm phát thải theo từng ngành, lĩnh vực, địa phương mà chưa thực sự tập trung vào một giải pháp cụ thể và hiệu quả để đạt được những mục tiêu đã cam kết quốc tế. Giải pháp về một thị trường mua bán phát thải khí nhà kính đã và đang được thế giới nghiên cứu và áp dụng có hiệu quả sẽ là bài học kinh nghiệm quý báu để Nhà nước sớm áp dụng thực tế tại Việt Nam trong thời gian tới. Với tiềm năng sẵn có, nhiệm vụ trước mắt cần chuẩn bị những cơ sở pháp lý cơ bản đầu tiên và từng bước thí điểm các hợp phần của thị trường để chuẩn bị cho sự ra đời thị trường mua bán phát thải khí nhà kính của Việt Nam ■

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

¹Zero carbon: còn được gọi là net-zero carbon được hiểu là trạng thái các hoạt động sản xuất, kinh doanh của đời sống không phát thải thêm bất kỳ lượng carbon nào vào khí quyển.

²Trung tâm Thông tin và Dự báo kinh tế xã hội quốc gia (NCIF) - Bộ Kế hoạch và Đầu tư

³Theo Investopia

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2013). *Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường*.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2020). *Dự thảo Đề án phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam*.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2021). *Báo cáo thuyết minh Đề án phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam*.

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2006). *Thông tư số 10/2006/TT-BTNMT ngày 12/12/2006 hướng dẫn xây dựng cơ chế phát triển sạch trong khuôn khổ NĐT Kyoto*.

5. Chính phủ (2022). *Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/1/2022 quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn*.

6. Ngân hàng Thế giới (2022). *Báo cáo Hiện trạng và xu hướng định giá các-bon năm 2022 (State and Trends of Carbon pricing 2022)*.
7. Chính phủ (2007). *Quyết định số 130/2007/QĐ-TTg ngày 02/8/2007 về một số cơ chế, chính sách tài chính đối với dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch*.
8. Chính phủ (2016). *Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016 về Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu*.
9. European Commission, Sổ tay về EU ETS - EU ETS Handbook.

Ngày nhận bài: 6/9/2022

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 4/10/2022

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 14/10/2022

Thông tin tác giả:

1. TS. NGUYỄN NHƯ HÀ¹

2. ThS. NGUYỄN TIẾN DAT²

¹Trưởng Khoa Luật Kinh tế - Học viện Chính sách và Phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

²Giảng viên Khoa Luật Kinh tế - Học viện Chính sách và Phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

CARBON CREDIT MANAGEMENT AND GREENHOUSE GAS EMISSION QUOTA EXCHANGE IN VIETNAM

● Ph.D NGUYEN NHU HA¹

● Master. NGUYEN TIEN DAT²

¹ Dean, Faculty of Economic Law, Academy of Policy and Development,
Ministry of Planning and Investment

² Lecturer, Faculty of Economic Law, Academy of Policy and Development,
Ministry of Planning and Investment

ABSTRACT:

Vietnam is one of countries that severely affected by climate change due to increasing greenhouse gas emissions. Implementing the “net zero” carbon emissions commitment by 2035, Vietnam has made efforts to develop a domestic carbon market towards connecting with the global carbon market. To realize this goal, it is important for Vietnam to soon develop and complete the legal framework for carbon credit management and greenhouse gas emission quota exchange. This paper studies the carbon credit management and greenhouse gas emission quota exchange in Vietnam

Keywords: carbon credit, green house gas, emission quota exchange, climate change.